

Bản án số: 08/2022/HS-ST
Ngày: 05-4-2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duy.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hà – Cán bộ hưu trí.

2. Ông Trần Thanh Tùng – Giáo viên.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trương Thị Hoàn – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D tham gia phiên tòa: Bà Trần
Minh Quế - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D xét xử sơ
thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 04/2022/TLST-HS ngày 04 tháng 3 năm
2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-HS ngày 21
tháng 3 năm 2022, đối với bị cáo:

Nguyễn Phương N, sinh năm 1994 tại Bà Rịa – Vũng Tàu; nơi cư trú: Ấp T,
xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa:
12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt N; Cha là
Nguyễn Văn C và mẹ là Võ Thị Y; bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình có 02
người con; tiền sự: Không.

Tiền án: 03 tiền án.

- Ngày 14/7/2015, bị Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử
phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày
13/02/2016;

- Ngày 18/5/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành án xong hình phạt tù
ngày 14/6/2018;

- Ngày 27/6/2019, bị Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử
phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày
27/8/2021.

Bị cáo bị bắt ngày 22/12/2021, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện D “Có mặt”.

Bị hại:

1. Cháu Trần Nguyễn Kim Q, sinh năm 2007.

Địa chỉ: Tổ 39, ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. “Vắng mặt”

Người đại diện hợp pháp của bị hại Q: Bà Trần Thị T, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 39, ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. “Vắng mặt”

2. Bà Trương Thị H, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Tổ 21, ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. “Vắng mặt”

3. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Tổ 38, ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. “Có mặt”

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Võ Thị Y, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Tổ 7, ấp TS, xã PT, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. “Vắng mặt”

2. Ông Đỗ Văn A, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tổ 2, ấp B, xã PT, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. “Vắng mặt”

3. Bà Đỗ Thị Dung, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp B, xã PT, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. “Vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Rạng sáng ngày 16/12/2021, Nguyễn Phương N điều khiển xe mô tô hiệu Honda Wave màu xanh - đen - bạc, biển số 72G1-650.05 đi từ thành phố Bà Rịa về huyện X. Khi đến khu vực ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thì nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác nên đã cất giấu xe vào bãi đất trống rồi đi bộ đến các nhà dân gần đó để tìm tài sản sơ hở chiếm đoạt, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 02 giờ ngày 16/12/2021, sau khi cất giấu xe, N đi bộ đến nhà cháu Trần Nguyễn Kim Q ở tổ 39, ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, trèo tường vào bên trong khuôn viên nhà, tháo kính ở lỗ thông gió chui vào bên trong nhà. Tại đây, N phát hiện có 01 điện thoại Samsung Galaxy M02 màu đen, 01 điện thoại Oppo F9 màu hồng đang cắm sạc trên kệ Ti vi, N lấy hai điện thoại bỏ vào túi quần và tiếp tục vào phòng ngủ lấy được 01 điện thoại Iphone 6 màu trắng bạc, sau đó ra khỏi nhà theo lối cũ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐGTS ngày 08/02/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện D kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy M02, màu đen, màn hình cảm ứng đã qua sử dụng, trị giá còn lại tại thời điểm định giá là 1.000.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Oppo F9 màu hồng, màn hình cảm ứng đã qua sử dụng, trị giá còn lại tại thời điểm định giá là 1.500.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, màu trắng bạc, trị giá còn lại tại thời điểm định giá là 700.000 đồng; tổng trị giá là 3.200.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 03 giờ 20 phút cùng ngày, N tiếp tục đi bộ đến nhà bà Trương Thị H ở Tổ 21, ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, thấy nhà bà

H không đóng cửa nên N đi vào bên trong và phát hiện 01 máy tính xách tay hiệu Acer Aspire màu đen đang để trên bàn gần cửa ra vào, N lấy máy tính mang ra bụi cây phía trước nhà cất giấu.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS ngày 08/02/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện D kết luận: 01 máy tính xách tay, hiệu Acer Aspire E1-431-B812G50M, số S/N: NXMORSV003213251A77600, màu đen trị giá còn lại tại thời điểm định giá là 700.000 đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 05 giờ cùng ngày, sau khi chiếm đoạt chiếc máy tính ở nhà bà H, N nhìn qua nhà bà Nguyễn Thị K gần đó thấy bà K đi bộ từ nhà ra ngoài nên N leo tường vào bên trong khuôn viên nhà bà K. N kiểm tra phát hiện cửa bên hông nhà không khóa nên đẩy cửa đi vào trong nhà tìm tài sản và lấy được số tiền 5.000.000 đồng trên đầu tủ đựng đồ cất vào túi quần, sau đó N tiếp tục đi vào phòng ngủ phát hiện trên đầu giường có 01 đồng hồ đeo tay hiệu Casio Edifice, dây kim loại màu đen bạc; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 150 màu đen và 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi 4 màu đen, N đã lấy toàn bộ tài sản bỏ vào túi quần rồi đi ngoài theo lối cũ. Sau đó N đến lấy máy tính ở bụi cây trước nhà bà H rồi ra lấy xe mô tô chạy về nhà mình ở ấp TS, xã PT, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Ngày 22/12/2021, N bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D phát hiện và thu giữ các đồ vật, tài sản gồm: 01 đồng hồ đeo tay hiệu Casio Edifice, dây kim loại màu đen bạc; 01 điện thoại di động hiệu Huawei màu xanh (số imei 1: 867907030496341; imei 2: 867907030536351); 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu hồng (không lên nguồn) và số tiền 450.000 đồng. Khám xét khẩn cấp tại nhà N thu giữ thêm 01 máy tính xách tay hiệu Acer Aspire E1-431-B812G50M màu đen và 01 xe mô tô hiệu Honda Wave màu xanh đen bạc, biển số 72G1-650.05.

Đối với số tiền 5.000.000 đồng N đã tiêu xài cá nhân hết còn lại 450.000 đồng, đã thu giữ. Riêng 03 điện thoại, gồm: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy M02 màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Oppo F9 màu hồng (số imei 1: 860163040157955; imei 2: 860163040157948) và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu trắng bạc N gửi cho bạn tên Đỗ Văn A giữ, N không nói cho A biết nguồn gốc tài sản N gửi, A mang điện thoại Oppo F9 màu hồng sử dụng bị Công an huyện X thu giữ liên quan đến hành vi tàng trữ ma túy, 02 điện thoại còn lại A để ở nhà chị gái mình là Đỗ Thị Dung, bà Dung không biết A để 02 điện thoại trên ở nhà mình (Cơ quan điều tra đã thu giữ được 03 chiếc điện thoại trên).

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D, N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐGTS ngày 08/02/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện D kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Nokia 150, màu đen đã qua sử dụng có trị giá còn lại tại thời điểm định giá là 300.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi 4 màu đen, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng có trị giá còn lại tại thời điểm định giá là 500.000 đồng; 01 đồng hồ đeo tay hiệu Casio Edifice, dây kim loại màu đen bạc, đã qua sử dụng có trị giá còn lại tại thời điểm định giá là 500.000 đồng; tổng cộng là: 1.300.000 đồng.

Tang vật, tài sản thu giữ gồm: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy M02 màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Oppo F9 màu hồng (số imei 1: 860163040157955; imei 2: 860163040157948); 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu trắng bạc; 01 máy tính xách tay hiệu Acer Aspire E1-431-B812G50M màu đen; 01 đồng hồ đeo tay hiệu Casio Edifice dây kim loại màu đen bạc; 01 điện thoại di động hiệu Huawei màu xanh (số imei 1: 867907030496341; imei 2: 867907030536351); 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu hồng (không lên nguồn); số tiền 450.000 đồng và 01 xe mô tô hiệu Honda Wave màu xanh đen bạc, biển số 72G1-650.05.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia 150 màu đen và 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi 4 màu đen trên đường về nhà N đã làm rơi mất, không thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự:

Cháu Trần Nguyễn Kim Q và chị Trương Thị H không yêu cầu bồi thường. Bà Nguyễn Thị K yêu cầu Nguyễn Phương N bồi thường tổng số tiền là 5.350.000 đồng.

Xử lý tài sản, tang vật của vụ án:

Qua điều tra, xác minh Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D đã trả lại các tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp gồm:

Trả lại cho cháu Trần Nguyễn Kim Q 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy M02 màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Oppo F9 màu hồng và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu trắng bạc.

Trả lại cho bà Trương Thị H 01 máy tính xách tay hiệu Acer Aspire E1-431-B812G50M màu đen.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị K 01 đồng hồ đeo tay hiệu Casio Edifice, dây đẹp bằng kim loại màu đen bạc.

Qua điều tra 01 xe mô tô hiệu Honda Wave màu xanh đen bạc, biển số 72G1-650.05 là tài sản hợp pháp của bà Võ Thị Y (là mẹ của N). Ngày 15/12/2021, N mượn xe của bà Y đi tìm việc làm rồi sử dụng xe đi trộm cắp, bà Y không biết. Ngày 07/02/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng việc trả lại xe cho bà Y.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Huawei màu xanh (số imei 1: 867907030496341; imei 2: 867907030536351); 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu hồng (không lên nguồn) và số tiền 450.000 đồng, hiện đã chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện D chờ xử lý.

Bản Cáo trạng số 07/CT-VKSĐD ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D truy tố Nguyễn Phương N tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như Cáo trạng, đồng thời đã phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, hậu quả xảy ra cũng như đặc điểm nhân thân của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố Nguyễn Phương N phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Phương N mức án từ 36 đến 42 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo và bà K về việc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bà K số tiền 5.350.000 đồng.

Về xử lý vật chứng:

Đề nghị trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động hiệu Huawei màu xanh và 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu hồng là tài sản của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội trong vụ án;

Đối với số tiền 450.000 đồng thu giữ của bị cáo có nguồn gốc có được do chiếm đoạt của bà K và bà K yêu cầu được nhận lại số tiền này, đề nghị trả lại cho bà K.

Đối với ông Đỗ Văn A và bà Đỗ Thị Dung, không biết nguồn gốc tài sản do N trộm cắp mà có nên không xem xét xử lý hình sự đối với ông A và bà Dung.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ xác định: Trong khoảng thời gian từ 02 giờ sáng đến 05 giờ sáng ngày 16/12/2021, Nguyễn Phương N nhiều lần lén lút chiếm đoạt tài sản của các chủ sở hữu tài sản như sau:

Khoảng 02 giờ ngày 16/12/2021, Nguyễn Phương N đột nhập vào nhà cháu Trần Nguyễn Kim Q ở Tổ 39, ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu chiếm đoạt của cháu Q 01 điện thoại Samsung Galaxy M02 màu đen; 01 điện thoại Oppo F9 màu hồng và 01 điện thoại Iphone 6 màu trắng bạc; tổng trị giá tài sản chiếm đoạt của cháu Q là 3.200.000 đồng.

Khoảng 03 giờ 20 phút cùng ngày, N tiếp tục đi bộ đến nhà bà Trương Thị H ở Tổ 21, ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đột nhập vào nhà chiếm đoạt của bà H 01 máy tính xách tay hiệu Acer Aspire màu đen trị giá 700.000 đồng.

Khoảng 05 giờ cùng ngày, N tiếp tục đột nhập vào nhà bà Nguyễn Thị K ở Tổ 38, ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu chiếm đoạt của bà K số tiền 5.000.000 đồng; 01 đồng hồ đeo tay hiệu Casio Edifice trị giá 500.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 150 trị giá 300.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi 4 màu đen trị giá 500.000 đồng; tổng trị giá tài sản chiếm đoạt của bà Khiếu là 6.300.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản N chiếm đoạt của các bị hại ngày 16/12/2021 là 10.200.000 đồng (Mười triệu hai trăm nghìn đồng).

Hành vi của Nguyễn Phương N đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định “1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....
2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

.....
g). Tái phạm nguy hiểm.”

Tại Bản án số 41/2019/HSST ngày 27/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã xác định bị cáo “Tái phạm nguy hiểm” nên hành vi cố ý chiếm đoạt tài sản của người khác ngày 16/12/2021 của bị cáo khi chưa được xóa án tích thuộc trường hợp định khung tăng nặng của tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3]. Viện kiểm sát nhân dân huyện D truy tố Nguyễn Phương N tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4]. Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo nhận thức rõ về hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì vụ lợi, lười lao động, coi thường pháp luật đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã nhiều lần được đưa đi cải tạo, giáo dục về hành vi chiếm đoạt tài sản nhưng không rèn luyện, sửa chữa bản thân để trở thành công dân tốt, sống có ích cho xã hội mà tiếp phạm tội. Vì vậy, đối với bị cáo cần xử phạt bằng hình phạt tù có thời hạn thật nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong vụ án, bị cáo thực hiện 03 lần chiếm đoạt tài sản của người khác, trong đó có 01 lần chiếm đoạt tài sản dưới 2.000.000 đồng, nhưng do bị cáo đang có tiền án tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích nên lần chiếm đoạt này đã cấu thành tội phạm, do đó cả 03 lần chiếm đoạt tài sản nêu trên của bị cáo đều cấu thành tội phạm nên thuộc

trường hợp phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và xác định bị cáo phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5]. Về trách nhiệm dân sự:

Cháu Trần Nguyễn Kim Q và bà Trương Thị H đã nhận lại tài sản của mình, không yêu cầu gì thêm trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà Nguyễn Thị K yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền bị cáo chiếm đoạt, đã tiêu xài hết là 4.550.000 đồng và bồi thường thiệt hại 02 chiếc điện thoại bị mất theo giá Hội đồng định giá xác định là 800.000 đồng, tổng cộng là 5.350.000 đồng; bị cáo đồng ý bồi thường cho bà K toàn bộ số tiền trên theo yêu cầu bà K. Xét thấy việc thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo và bà K là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên ghi nhận sự thỏa thuận của các bên về việc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bà K số tiền 5.350.000 đồng.

[6]. Về xử lý vật chứng:

Sau khi thu giữ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D đã điều tra, xác minh nguồn gốc và trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp những tài sản, gồm:

Trả lại cho cháu Trần Nguyễn Kim Q 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy M02 màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Oppo F9 màu hồng và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu trắng bạc;

Trả lại cho bà Trương Thị H 01 máy tính xách tay hiệu Acer Aspire E1-431-B812G50M màu đen;

Trả lại cho bà Nguyễn Thị K 01 đồng hồ đeo tay hiệu Casio Edifice, dây đẹp bằng kim loại màu đen bạc;

Trả lại cho bà Võ Thị Y 01 xe mô tô hiệu Honda Wave màu xanh đen bạc, biển số 72G1-650.05.

Sau khi nhận lại tài sản của mình không có ai yêu cầu gì thêm. Các vật chứng trên đã xử lý xong nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Huawei màu xanh (số imei 1: 867907030496341; imei 2: 867907030536351) và 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu hồng (Không lên nguồn) là tài sản của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội trong vụ án nên trả lại cho bị cáo;

Đối với số tiền 450.000 đồng đang tạm giữ của bị cáo: Bị cáo thừa nhận đây là số tiền còn lại trong số tiền 5.000.000 đồng chiếm đoạt của bà K và bà K cũng yêu cầu được nhận lại số tiền này. Xét trình bày của bị cáo và yêu cầu của bà K là phù hợp nên đủ căn cứ trả lại số tiền 450.000 đồng cho bà K.

[7]. Đối với ông Đỗ Văn A không biết 03 chiếc điện thoại bị cáo gửi nhờ giữ giúp là tài sản chiếm đoạt của người khác và bà Đỗ Thị Dung không biết ông A cất 02 chiếc điện thoại (trong số 03 chiếc điện thoại bị cáo gửi giữ giúp) ở nhà mình, do đó không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với ông A và bà Dung là phù hợp.

[8]. Án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Trong quá trình điều tra bị cáo đã đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại bà K nên được xem là thỏa thuận được với nhau về việc bồi thường trước khi mở phiên tòa, do đó bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải bồi thường.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Nguyễn Phương N phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Nguyễn Phương N: 04 (Bốn) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/12/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 584, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

Ghi nhận sự thỏa thuận về việc bồi thường thiệt hại giữa bị cáo Nguyễn Phương N và bà Nguyễn Thị K: Nguyễn Phương N có trách nhiệm bồi thường cho bà Nguyễn Thị K số tiền 5.350.000 đồng (Năm triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị K số tiền 450.000 đồng (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng);

- Trả lại cho Nguyễn Phương N 01 (Một) điện thoại di động hiệu Huawei màu xanh (số imei 1: 867907030496341; imei 2: 867907030536351) và 01 (Một) điện thoại di động hiệu Oppo màu hồng (Không lên nguồn).

Toàn bộ vật chứng trên hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện D đang quản lý theo Biên lai thu tiền số 0002792 ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D và Biên bản giao nhận vật chứng số 17/BB ngày 04 tháng 3 năm 2022 giữa Công an huyện D và Chi cục thi hành án dân sự huyện D.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc Nguyễn Phương N phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo và bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm. Đối với bị hại, người đại diện bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện D;
- Công an huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Duy